TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **215/**2017/DS-ST
Ngày: 21/6/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Thanh;

2. Ông Nguyễn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2015/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2015 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXX – ST ngày 03/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST - DS ngày 30/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Trụ sở: Đường K, Phường N, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A, GUQ số 284/UQ-QLN.18 ngày 28/02/2018 (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Quốc H, sinh năm 1977

Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1985
(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ: Đường Q, Phường I, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2015 và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 17/11/2011 căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O, Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi là C) đã cấp cho ông H và bà O thẻ tín dụng số 5459 6816 1000 5490, hạn mức 40.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: 03 năm (từ ngày 17/11/2011 đến ngày 17/11/2014; Lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của C.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 19/01/2012 đến ngày 07/7/2014 ông

Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O đã thực hiện các giao dịch mua hàng với tổng số tiền là 202.188.550 đồng. Đến hạn thanh toán ông H và bà O không thanh toán số nợ đầy đủ cho C nên phát sinh phí là 600.000 đồng, phạt chậm trả là 666.550 đồng, lãi trong hạn là 8.052.024 đồng. Tổng cộng: 211.507.124 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H và bà O đã thanh toán cho C số tiền là 186.902.276 đồng, còn nợ lại: 24.604.848 đồng. Sau đó, ông H và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa. Vì vậy, ngày 21/11/2014 C đã chuyển toàn bộ số nợ 24.604.848 đồng sang nợ quá hạn với mức lãi suất 38,7%/năm, lãi suất nợ quá hạn sau ngày 12/6/2017 là 43,5%/năm theo công văn số 374/NVCV-TTT.17 ngày 09/6/2017 của C về việc thay đổi lãi suất của các loại thẻ do C phát hành.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O trả cho C số tiền còn nợ là 60.358.300 đồng. Trong đó nợ gốc: 24.604.848 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 21/6/2018: 35.753.452 đồng. Tiền lãi quá hạn được tính cụ thể:

+ Từ 21/11/2014 đến 12/6/2017: lãi suất 38,7%/năm: 24.704.498 đồng;

+ Từ 12/6/2017 đến 01/01/2018: lãi suất 43,5%/năm: 6.033.699 đồng;

+ Từ 01/01/2018 đến 21/6/2018: lãi suất 43,5%/năm: 5.015.255 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục nhưng vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C buộc ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 24.604.848 đồng; về nợ lãi sẽ do Hội đồng xét xử xem xét, tính toán cụ thể kể từ ngày ông H và bà O vi phạm nghĩa vụ trả lãi đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét thấy việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O phải trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng trả góp, đây là vụ án dân sự: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Mặt khác, bị đơn cư trú tại Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nH vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng thì ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc sử dụng thẻ do Ngân hàng cấp. Theo đó ông H và bà O phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Tại các bản sao kê hoạt động của khách hàng do Ngân hàng cung cấp, thể hiện ông H và bà O đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 186.902.276 đồng vào ngày 20/8/2014 gồm tiền gốc, tiền lãi, và tiền phí theo quy định sử dụng thẻ. Từ tháng 9/2014, ông H và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên ngân hàng đã tiến hành gửi thông báo nhắc nợ do đó có cơ sở xác định ông H và bà O còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 24.604.848 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi và các khoản phí sử dụng thẻ của nguyên đơn:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên C là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C có hiệu lực từ 01/06/2010, biểu phí thẻ tín dụng visa, công văn số 374/NVCV-TTT.17 ngày 09/6/2017 có hiệu lực từ ngày 12/6/2017 của C thì lãi suất phát sinh dư nợ của chủ thẻ tín dụng Visa là 29%/năm (trước đó là 25,8%/năm) và lãi suất quá hạn là 43,5%/năm (trước đó là 38,7%/năm). Xét thấy đến kỳ hạn trả nợ, phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn tại Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C. Ngày 20/8/2014 ông H và bà O tiến hành đợt thanh toán cuối cùng cho khoản vay tại ngân hàng và không thực hiện các giao dịch cũng như trả các khoản lãi phí nào khác nên ngân hàng chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn từ ngày 21/11/2014. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 về nguyên tắc tính lãi quy định 01 năm là 365 ngày nên C đã có sự điều chỉnh nguyên tắc tính lãi suất là có lợi cho bị đơn. Từ những cơ sở trên chấp nhận buộc bị đơn ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O trả nợ gốc và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 21/6/2018 là 60.358.300 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 60.358.300 (sáu mươi triệu ba trăm năm mươi tám ngàn ba trăm) đồng. Cụ thể bị đơn phải chịu án phí là: 3.017.915 (ba triệu không trăm mười bảy nghìn chín trăm mười lăm) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 808.869 (tám trăm lẻ tám ngàn tám trăm sáu mươi chín) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 471; khoản 1, khoản 5 Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 48; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị định 70/NĐ-CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Buộc ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền còn nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 17/11/2011 bao gồm nợ gốc: 24.604.848 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 21/6/2018: 35.753.452 đồng. Tổng cộng là 60.358.300 (sáu mươi triệu ba trăm năm mươi tám ngàn ba trăm) đồng.

Ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O tiếp tục phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 22/6/2018 theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 17/11/2011 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí: Ông Đinh Quốc H và bà Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu án phí sơ thẩm là: 3.017.915 (ba triệu không trăm mười bảy nghìn chín trăm mười lăm) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 808.869 (tám trăm lẻ tám ngàn tám trăm sáu mươi chín) đồng, theo biên lai thu số 09156 ngày 20/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh